THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 423/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch các ngành, lĩnh vực.

2. Phát huy nội lực kết hợp với việc tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cân đối, hài hòa giữa chiều sâu và chiều rộng, tạo sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước; sớm đưa tỉnh Sóc Trăng tiến kịp nhịp độ phát triển chung của cả nước.

3. Khai thác lợi thế về biển để phát triển mạnh kinh tế ven biển và kinh tế biển làm động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đổi mới về chính sách quản lý, cải cách hành chính, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng tạo điều kiện thu hút đầu tư nhất là các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao.

4. Phát triển kinh tế gắn với phát triển y tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống

nhân dân, giảm dần tỷ lệ hộ nghèo; tập trung đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa những ảnh hưởng, tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Sóc Trăng trở thành một tỉnh có nền nông nghiệp công nghệ cao phát triển bền vững gắn với phát triển công nghiệp và dịch vụ; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; từng bước tiến kịp với quá trình phát triển chung của cả nước; có nền quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Phấn đấu đến năm 2020, Sóc Trăng trở thành tỉnh có thu nhập vào loại khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Đến năm 2015: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 12,5 - 13%/năm; GDP bình quân đầu người đạt 1.800 USD; tỷ trọng các ngành nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng, dịch vụ trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 39,6% - 25,1% - 35,3%; cơ cấu lao động theo các khu vực nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ đạt 46% - 21,1% - 32,9%; kim ngạch xuất khẩu đạt 550 triệu USD.

- Đến năm 2020: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11,5 - 12%/năm; GDP bình quân đầu người đạt 3.300 USD; tỷ trọng các ngành nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng, dịch vụ trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 28% - 34,2% - 37,8%; cơ cấu lao động theo các khu vực nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ đạt 36% - 30,4% - 33,6%; kim ngạch xuất khẩu đạt 900 triệu USD. Thu ngân sách nhà nước tăng bình quân trên 10%/năm.

b) Về xã hội

- Đến năm 2015: Giảm tỷ lệ sinh hàng năm xuống 1,3%, quy mô dân số khoảng 1,38 - 1,39 triệu người; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 10,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 51%, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 45%; tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm 46%; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống 14,5%; tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia chiếm 50%; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 80%, tiểu học đạt 99,5%, trung học cơ sở đạt 95% và trung học phổ thông đạt 65%; tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%.

- Đến năm 2020: Giảm tỷ lệ sinh hàng năm xuống 1,1%, quy mô dân số khoảng 1,45 - 1,46 triệu người; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 55%; tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm 36%; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống 10%; tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia chiếm 75%; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 97%, đến trường trung học phổ thông đạt 85%;

c) Về môi trường

- Đến năm 2015: Tỷ lệ che phủ rừng đạt 5%; tỷ lệ các hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%; tỷ lệ thu gom và xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường đối với chất thải nguy hại, chất thải y tế đạt 100%; thu gom và xử lý đối với các loại chất thải rắn đạt trên 40%.

- Đến năm 2020: Tỷ lệ che phủ rừng đạt 5,5%; tỷ lệ các hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ thu gom và xử lý đối với các loại chất thải rắn đạt trên 80%; 100% các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao; hình thành và phát triển các mô hình sản xuất chuyên môn hóa và thâm canh cao; các sản phẩm ưu tiên phát triển trong thời kỳ tới gồm lúa đặc sản, rau màu, thủy sản (con tôm)… Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt trên 4,2%/năm.

- Nông nghiệp: Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở những vùng trồng lúa kém hiệu quả; nhân rộng các giống lúa chất lượng cao, lúa đặc sản; đến năm 2020, diện tích trồng lúa vào khoảng 285.000 - 290.000 ha; đầu tư, xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao, các trang trại trồng rau màu, củ, quả thực phẩm; phát triển các vùng cây ăn quả tập trung, khuyến khích các hình thức hợp đồng bao tiêu sản phẩm trái cây cho nông dân.

Phát triển chăn nuôi dưới các hình thức trang trại, hộ gia đình, doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh, hình thành các trung tâm giống, hỗ trợ nông dân cải tạo cơ cấu giống, cơ cấu đàn gia súc, gia cầm, chăn nuôi bò thịt có chất lượng cao, chăn nuôi gà thịt, gà lấy trứng.

- Thủy sản: Phát triển các khu nuôi trồng thủy sản ở cả 3 vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt; tạo điều kiện nuôi trồng theo các hình thức công nghiệp và bán công nghiệp; xây dựng các khu nuôi trồng có hạ tầng đồng bộ và các khu nuôi quảng canh bền vững; ứng dụng công nghệ sinh học và áp dụng các quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản tiên tiến; mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản lên 80.000 ha (diện tích nuôi tôm khoảng 49.000 ha) vào năm 2015 và ổn định ở quy mô 83.000 - 85.000 ha vào năm 2020.

Khuyến khích phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ, công suất lớn nhằm tăng sản lượng và hiệu quả khai thác thủy sản; đầu tư xây dựng hệ thống cảng cá, khu dịch vụ hậu cần nghề cá, khu tránh trú bão cho tàu thuyền đánh bắt thủy sản tại các khu vực cửa sông, hướng đến trở thành một trung tâm nghề cá và dịch vụ hậu cần nghề cá ở khu vực ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Lâm nghiệp: Tập trung khoanh vùng bảo vệ và ổn định phát triển các rừng ngập mặn ven biển, cửa sông và rừng chắn cát. Tiếp tục trồng mới và mở rộng diện tích rừng tập trung lên khoảng 13.000 ha vào năm 2015 và 14.000 ha vào năm 2020.

2. Phát triển ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp theo hướng tạo điều kiện thu hút đầu tư cho các ngành kinh tế có lợi thế phát triển ổn định và bền vững; chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Phấn đấu tăng trưởng bình quân đạt 18,5 - 19%/năm.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ đạo như: Công nghiệp chế biến nông, thủy sản; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu; công nghiệp cơ khí sản xuất thiết bị, phụ tùng, lắp ráp máy nông nghiệp, máy chế biến nhỏ, sản xuất động cơ phương tiện vận tải thủy; công nghiệp khai thác sản xuất vật liệu xây dựng.

- Tập trung phát triển nhanh, hiệu quả các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt, gắn liền với xây dựng các công trình xử lý chất thải, trồng cây xanh, bảo đảm môi trường xanh, sạch, đẹp; đồng thời phát triển đồng bộ các dịch vụ, đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho người lao động nhất là nhà ở cho công nhân. Phấn đấu đến năm 2020, tổng diện tích các khu công nghiệp khoảng 1.114 ha.

3. Phát triển ngành thương mại, dịch vụ

Phấn đấu tăng trưởng bình quân đạt 15,5 - 16%/năm; ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, đa dạng hóa các ngành dịch vụ. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ mũi nhọn như dịch vụ vận chuyển - kho bãi đường sông, biển, cảng biển, cảng cạn, hậu cần, viễn thông - công nghệ thông tin, tài chính - ngân hàng, du lịch.

- Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại theo hướng xã hội hóa đầu tư, hoàn thành việc nâng cấp, xây dựng các chợ trung tâm huyện, chợ trung tâm thành phố Sóc Trăng; xây dựng mạng lưới hệ thống chợ xã, chợ đầu mối nông, thủy sản, để từng bước hoàn thiện hệ thống phân phối, bán lẻ đến người dân. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng và quảng bá thương hiệu các sản phẩm đặc trưng của Tỉnh; chú trọng xây dựng hệ thống thông tin thị trường phục vụ người dân sản xuất.

- Khai thác điều kiện lợi thế phát triển du lịch biển, du lịch văn hóa đặc sắc hội tụ của ba nền văn hóa Kinh - Khmer - Hoa để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn hội nhập kinh tế quốc tế. Thu hút đầu tư xây dựng một số khu du lịch ven biển có cơ sở hạ tầng đạt chuẩn quốc tế đủ sức hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước.

4. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

- Khuyến khích phát triển hệ thống giáo dục mầm non theo các hình thức công lập và dân lập; phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi. Đẩy nhanh tiến độ kiên cố hóa phòng học, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học cho các trường phổ thông. Tiếp tục phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú ở các vùng tập trung đồng bào Khmer, triển khai dạy tiếng dân tộc cho học sinh dân tộc ở các trường vùng đồng bào dân tộc; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề theo hướng gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo; chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, củng cố mạng lưới các trường dạy nghề; phấn đấu hàng năm tổ chức dạy nghề cho khoảng 2,5 vạn lao động trong giai đoạn đến năm 2015 và 3 - 3,2 vạn lao động trong giai đoạn đến năm 2020. Khuyến khích các cơ sở đào tạo liên kết với các trường đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Nghiên cứu đến năm 2015, nâng cấp một số trường như trường Cao đẳng Cộng đồng, trường Trung cấp Y tế và Trung cấp Văn hóa nghệ thuật.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Phát triển mạng lưới y tế theo hướng xã hội hóa đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân về các dịch vụ khám chữa bệnh, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. Phấn đấu đến năm 2015 bình quân toàn tỉnh có 18 giường bệnh/vạn dân và 05 bác sĩ/vạn dân; đến năm 2020 là 25 giường bệnh/vạn dân và 06 bác sĩ/vạn dân. Nâng cấp cơ sở vật chất các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện.

Củng cố các trạm y tế xã, phường, tăng cường đưa bác sĩ về làm việc thường xuyên ở các trạm y tế xã. Phấn đấu đến năm 2015, số trạm y tế xã có bác sĩ thường xuyên làm việc đạt 83%; tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%; đến năm 2020 có 100% trạm y tế xã có bác sĩ làm việc lâu dài. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, tăng cường quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

c) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Kết hợp đồng bộ các biện pháp để thực hiện chương trình giải quyết việc làm, phấn đấu trung bình hàng năm giải quyết được việc làm mới cho khoảng 2,2 - 2,3 vạn lao động trong giai đoạn đến năm 2015 và 2,6 - 2,8 vạn lao động trong giai đoạn đến năm 2020.

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo; xây dựng các giải pháp, mô hình giảm nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất; có chính sách khuyến khích xã, hộ gia đình thoát nghèo, khuyến khích các doanh nghiệp dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo; chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực nông nghiệp sang lao động khu vực phi nông nghiệp ở cả nông thôn và thành thị.

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội, tăng cường và nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng xã/phường lành mạnh, không có tệ nạn xã hội gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới"; thực hiện xã hội hóa công tác đền ơn đáp nghĩa, vận động toàn dân cùng tham gia; chăm sóc người có công với nước; chăm lo đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho con em gia đình chính sách.

d) Khoa học và công nghệ

- Phát triển hệ thống nghiên cứu và triển khai khoa học - công nghệ, thực hiện các chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tập trung phổ biến ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp và thủy sản; phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ sản phẩm từ cây trồng, vật nuôi được chọn nhân giống và áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất hiện đại đạt 80%. Đầu tư phát triển khu nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng trang trại thực nghiệm công nghệ sinh học để khảo nghiệm và nhân giống vật nuôi, cây trồng.

- Hỗ trợ kỹ thuật các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, giảm tiêu thụ nguyên nhiên liệu, tăng hiệu quả sản xuất. Hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường đại học tổ chức đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực có trình độ khoa học, công nghệ đáp ứng nhu cầu của xã hội.

đ) Văn hóa, thể dục thể thao

- Hoàn chỉnh thiết chế văn hóa; thông tin từ cấp tỉnh, huyện đến cấp cơ sở xã, phường; đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa thông tin, Bảo tàng Tổng hợp, Bảo tàng Nghệ thuật dân gian Khmer. Đưa phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đi vào chiều sâu, hình thành nếp sống văn minh, môi trường văn hóa từ gia đình đến khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc.

- Xã hội hóa đầu tư phát triển hệ thống cơ sở phục vụ hoạt động thể dục thể thao từ tỉnh đến xã, phường; tập trung đầu tư xây dựng các công trình thi đấu và tập luyện thể dục thể thao cấp tỉnh; đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"; có chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ vận động viên thi đấu của Tỉnh.

e) Tài nguyên môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Tăng cường công tác quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên đất, nước, rừng, biển, khoáng sản. Bổ sung, hoàn chỉnh các quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên, phối hợp các Bộ, ngành Trung ương tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên, môi trường biển, lập quy hoạch quản lý tổng hợp vùng đới bờ.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng. Triển khai các dự án tái định cư, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư ở các khu vực ven biển, ven sông chịu ảnh hưởng thiệt hại nặng nề từ thiên tai lũ lụt gắn với quy hoạch xây dựng các xã nông thôn mới.

- Phổ biến thông tin, hỗ trợ kỹ thuật để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất áp dụng hệ thống tiêu chuẩn môi trường ISO 1400. Giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, kiên quyết xử lý các trường hợp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

5. Xây dựng kết cấu hạ tầng

a) Giao thông:

- Đường bộ: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu xây dựng tuyến đường vành đai II và đoạn quốc lộ 1A tránh thành phố Sóc Trăng, tuyến đường tỉnh 937 nhằm nối quốc lộ 1A với quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp và quốc lộ 61 phù hợp với nhu cầu phát triển và nguồn lực từng giai đoạn; xem xét nâng cấp tuyến quốc lộ 60, các tuyến đường tỉnh có lưu lượng giao thông lớn, các tuyến đường cấp huyện và liên xã, đường giao thông nông thôn; phát triển đồng bộ các tuyến đường đô thị và một số cầu vượt sông như cầu Maspero II, cầu Chàng Ré, cầu Chợ Kinh, cầu Dù Tho; xây dựng tuyến đường ven biển tạo điều kiện phát triển kinh tế biển kết hợp đảm bảo quốc phòng, an ninh và phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn.

- Đường thủy: từng bước phát triển đồng bộ giữa cảng và tuyến luồng, gắn kết với giao thông đường biển, đường bộ tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh; thường xuyên nạo vét tạo độ sâu ổn định luồng lạch, cải tạo âu thuyền, hoàn chỉnh hệ thống phao tiêu, đèn hiệu, biển báo trên các tuyến chính. Một số tuyến đường sông chính như sông Maspero, sông Hậu, sông Rạch Nhu Gia, sông Rạch Chàng Ré…

- Cảng: Nghiên cứu đầu tư xây dựng cảng biển Trần Đề thành cảng đầu mối xuất nhập khẩu hàng hóa của khu vực đồng bằng sông Cửu Long tại cửa sông Hậu; cảng biển Đại Ngãi là cảng tổng hợp và một số cảng tiếp nhận tàu từ 300 - 500 DWT (cảng Long Hưng, cảng Ngã Năm, cảng Cái Côn và cảng thành phố Sóc Trăng trên kênh Saintard)

b) Thủy lợi

- Nghiên cứu từng bước đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình ngăn mặn, trạm bơm đầu mối, nạo vét các tuyến kênh cấp I, kênh trục nội đồng, kiên cố hóa hệ thống kênh tưới, tiêu; xem xét nâng cấp hệ thống thủy lợi kết hợp giao thông

nông thôn 4 huyện vùng trũng Mỹ Tú - Thạnh Trị - Ngã Năm - Châu Thành; công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng ven biển các huyện Long Phú, Cù Lao Dung và thị xã Vĩnh Châu, phục vụ tôm lúa tiểu vùng 2, vùng 6 xã huyện Mỹ Xuyên; nâng cấp hạ tầng thủy lợi vùng sản xuất cá tra thuộc các huyện Kế Sách, Cù Lao Dung, Long Phú.

- Củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè, xây dựng các tuyến đê bao theo 7 vùng thủy lợi trong tỉnh; nâng cấp hệ thống đê biển Sóc Trăng thuộc các huyện Long Phú, Cù Lao Dung và thị xã Vĩnh Châu; tuyến đê biển từ bến đò Kinh Ba đến giao đường Nam Sông Hậu tại xã Trung Bình; nâng cấp đê cửa sông thuộc thị xã Vĩnh Châu; hệ thống đê sông thuộc huyện Cù Lao Dung.

c) Cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường

- Từng bước đầu tư xây dựng các hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất tại khu vực đô thị và vùng phụ cận; nghiên cứu nâng cấp hệ thống cấp nước cho thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm, các nhà máy hiện có tại các thị trấn, thị tứ. Đối với khu vực nông thôn, tùy thuộc vào vị trí địa lý áp dụng các mô hình cấp nước tập trung hoặc cấp nước hộ gia đình cho phù hợp.

- Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất tại các đô thị, các khu công nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất, dịch vụ đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra ngoài.

- Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, y tế, chất thải công nghiệp độc hại theo đúng quy định; phấn đấu đến năm 2020, mỗi thị trấn xây dựng 01 bãi rác; toàn tỉnh có 2 - 3 khu xử lý tập trung rác thải công nghiệp và sinh hoạt.

d) Bưu chính và thông tin truyền thông

- Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất cho hệ thống phát thanh, truyền hình của Tỉnh. Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình nhằm phục vụ công tác thông tin tuyên truyền và đáp ứng nhu cầu thông tin, giải trí của các tầng lớp nhân dân.

- Phát triển mạng lưới các điểm truy nhập điện thoại, Internet công cộng ở các khu vực đô thị và nông thôn. Phấn đấu đến năm 2015, mật độ điện thoại đạt 30 thuê bao/100 dân, mật độ Internet đạt từ 4 - 5 thuê bao/100 dân; đến năm 2020, các tỷ lệ này tương ứng là 41 - 42 thuê bao điện thoại/100 dân và đạt 15 - 16 thuê bao internet/100 dân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn

a) Phát triển đô thị

- Phát triển đô thị theo các tiểu vùng nhằm phát huy vai trò hạt nhân thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ của các đô thị; trước mắt, phát triển các đô thị trung tâm các tiểu vùng gồm thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã

Năm. Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa đạt 28%; toàn tỉnh có 01 thành phố, 02 thị xã và 19 thị trấn, thị tứ.

b) Xây dựng nông thôn mới và phát triển các vùng khó khăn

- Xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, phấn đấu số xã đạt tiêu chí nông thôn mới chiếm từ 20% trở lên vào năm 2015 và 60% vào năm 2020.

- Thực hiện lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới kết hợp với các chương trình mục tiêu để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu (điện, giao thông, viễn thông, cấp nước, trường học, trạm y tế, chợ, thiết chế văn hóa - thông tin, …) cho các xã thuộc vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc; thực hiện tốt các chính sách ưu đãi nhằm thu hút dự án đầu tư, hỗ trợ đào tạo, chuyển giao kỹ thuật để phát triển sản xuất tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo bền vững, từng bước nâng cao đời sống nhân dân ở các vùng sâu, vùng xa, vùng tập trung đồng bào dân tộc Khmer.

2. Phát triển các vùng kinh tế

a) Vùng kinh tế biển: Bao gồm các huyện Cù Lao Dung, Long Phú, Trần Đề và thị xã Vĩnh Châu. Khai thác lợi thế về biển, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật ven biển, tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển các ngành kinh tế gắn với biển như hàng hải, thương mại đường biển, các ngành công nghiệp, dịch vụ gắn với biển, du lịch biển, kinh tế thủy sản.

Tập trung đầu tư xây dựng cảng Trần Đề cửa sông Hậu, cảng Đại Ngãi và cảng cửa sông Mỹ Thanh để hình thành các khu công nghiệp, cụm kinh tế biển tổng hợp tạo đột phá phát triển kinh tế biển. Ưu tiên phát triển thương mại đường biển, xuất nhập khẩu hàng hóa đường biển, dịch vụ hậu cần, thông tin hàng hải, dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trên biển ở khu vực ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long.

b) Vùng kinh tế nội địa: Bao gồm thành phố Sóc Trăng và các huyện Kế Sách, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Châu Thành, Thạnh Trị, Ngã Năm.

Khai thác điều kiện thuận lợi về giao lưu kinh tế, thương mại, khoa học - công nghệ, đào tạo với thành phố Cần Thơ và các tỉnh, thành phố trong nội địa đồng bằng sông Cửu Long, thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ quan trọng như vận chuyển đường bộ, viễn thông, tài chính - ngân hàng, thương mại, các dịch vụ đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế với trung tâm đầu mối là thành phố Sóc Trăng. Phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hình thành các hành lang kinh tế theo các trục lộ đồng thời tiếp tục phát huy vai trò là vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực và cung cấp nông thủy sản cho chế biến, xuất khẩu của Tỉnh.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về cải cách hành chính, tư pháp

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước ở địa phương nhằm tạo môi trường thông thoáng cho đầu tư phát triển và giảm thiểu phiền hà cho nhân dân; thực hiện tốt nguyên tắc công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp, các ngành; phổ biến rộng rãi, niêm yết công khai quy chế, quy trình, thủ tục hành chính trong xử lý công việc tại công sở; rà soát điều chỉnh những thủ tục hành chính không còn phù hợp để loại bỏ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

- Xây dựng mạng lưới dịch vụ pháp lý trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ pháp lý; triển khai các biện pháp kiểm tra, giám sát việc chấp hành, thi hành pháp luật nhà nước.

2. Giải pháp huy động vốn đầu tư

- Nhu cầu vốn đầu tư của toàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 216.300 tỷ đồng, trong đó thời kỳ đến năm 2015 khoảng 67.800 nghìn tỷ đồng, thời kỳ 2016 - 2020 là 148.500 tỷ đồng. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Tỉnh cần chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp để đảm bảo vốn cho các công trình, dự án trọng điểm của địa phương; đồng thời, cần có các giải pháp cụ thể để huy động có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển như:

- Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư đến năm 2020. Trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, chú trọng khai thác nguồn vốn ODA;

- Cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh, tiếp tục cải cách thủ tục đầu tư theo hướng gọn, minh bạch, công khai; tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư; ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trên cơ sở lợi thế về địa kinh tế của địa phương và phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư để thu hút đầu tư nhất là trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường,… Mở rộng các hình thức đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT, BTO, PPP,... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn; phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản;

- Củng cố hệ thống ngân hàng, quỹ tín dụng nhằm tăng cường năng lực huy động vốn trong và ngoài địa bàn, đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

3. Giải pháp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường đầu tư cho giáo dục, đào tạo; khuyến khích phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề, các mô hình truyền nghề, dạy nghề ở nông thôn, đào tạo lao động theo địa chỉ, đào tạo các ngành nghề có nhu cầu cấp thiết ở địa phương, đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Nghiên cứu, phát triển các mô hình giáo dục, dạy nghề với chương trình giảng dạy phù hợp với đặc điểm của các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc trong tỉnh.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo, dạy nghề cho người trong tuổi lao động, nhất là thanh niên, lao động nông nghiệp dôi dư, tổ chức huấn luyện nghề nông, nghề cá cho nông dân, ngư dân. Nghiên cứu ban hành các chính sách ưu đãi thu hút và sử dụng nhân tài, chuyên gia cao cấp, nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề bậc cao trong các ngành, lĩnh vực còn đang thiếu ở Tỉnh.

4. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, sáng chế cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh, thực hiện đúng quy định quyền sở hữu công nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp dành vốn cho nghiên cứu đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động; hợp tác chặt chẽ với các viện nghiên cứu, các trường đại học để thực hiện tốt việc nghiên cứu gắn với ứng dụng vào sản xuất, đời sống.

- Đổi mới cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng người lao động và có kế hoạch trẻ hóa đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học công nghệ; thực hiện tốt chính sách đãi ngộ các nhà khoa học, chính sách khuyến khích xã hội hóa trong nghiên cứu khoa học và phát triển thị trường khoa học công nghệ.

5. Giải pháp phát triển doanh nghiệp và cạnh tranh hội nhập

- Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết kế, mẫu mã, quy trình công nghệ, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm tăng khả năng cạnh tranh hội nhập.

- Thực hiện chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm của Sóc Trăng kết hợp với các hoạt động xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

6. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Trên cơ sở Quy hoạch này, lập các biện pháp cụ thể về quản lý, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đối với từng khu vực trong tỉnh; đồng thời xây dựng và

thực hiện Chương trình quản lý môi trường để giám sát, cảnh báo những tác động môi trường từ các hoạt động kinh tế, xã hội, có biện pháp xử lý kịp thời.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân và cộng đồng, đặc biệt là doanh nghiệp. Ban hành quy chế để cộng đồng tham gia giám sát môi trường các dự án đầu tư trên địa bàn các xã, phường trong Tỉnh.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Công bố, phổ biến quy hoạch

- Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 cho cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành. Căn cứ nội dung của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để có kế hoạch thực hiện đạt kết quả.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư; giới thiệu các chương trình, dự án cần được ưu tiên đầu tư, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm tạo ra những sản phẩm chủ lực.

2. Xây dựng chương trình hành động

- Tỉnh cần cụ thể hóa nội dung của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Trên cơ sở đó tiến hành rà soát lại Quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong Tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt chỉ đạo việc lập, duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong Tỉnh phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành (nếu vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Phối hợp với tỉnh Sóc Trăng trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ Tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020 CỦA TỈNH SÓC TRĂNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 423/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	TÊN DỰ ÁN
I	**TRUNG ƯƠNG NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**
	Nâng cấp quốc lộ 60 Cảng biển Sóc Trăng Đường tránh quốc lộ 1A qua thành phố Sóc Trăng Cầu Đại Ngãi
II	**TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**
1	Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và thủy lợi Nâng cấp hệ thống thủy lợi và giao thông nông thôn 4 huyện vùng trũng Mỹ Tú - Thạnh Trị - Ngã Năm - Châu Thành Thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản các vùng ven biển Thủy lợi vùng Kế Sách - Châu Thành Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất tôm lúa Tiểu vùng 2 vùng 6 xã huyện Mỹ Xuyên Nâng cấp hệ thống đê biển Sóc Trăng Nâng cấp, cải tạo tuyến đê biển (đoạn từ Bến đò Kinh Ba giao với đường Nam sông Hậu) Nâng cấp đê cửa sông tỉnh Sóc Trăng Hệ thống đê sông các cồn thuộc Cù Lao Dung Nâng cấp hạ tầng vùng sản xuất cá tra Kè chống sạt lở các khu vực trọng yếu
2	Lĩnh vực giao thông Nâng cấp, cải tạo hương lộ 31, Vĩnh Châu Đường Tỉnh 937 (nối quốc lộ 1A với Quản lộ Phụng Hiệp) Xây dựng mới đường Tỉnh 934B Nâng cấp đường Tỉnh 932, đường Tỉnh 933B, đường Tỉnh 936B, đường Tỉnh 939 Xây dựng tuyến đường Vành đai II, thành phố Sóc Trăng Đường Mạc Đĩnh Chi (Sung Đinh) đến Cảng cá Trần Đề Xây dựng cầu Chàng Ré, cầu Chợ Kinh, cầu Dù Tho Cầu Maspero II Xây dựng mới cảng Đại Ngãi Xây dựng cảng sông thành phố Sóc Trăng

TT	TÊN DỰ ÁN
3	Lĩnh vực đô thị, công cộng, giáo dục đào tạo Khu kinh tế ven biển Trần Đề (giai đoạn 1) Khu công nghiệp Đại Ngãi Khu công nghiệp Vĩnh Châu Khu công nghiệp Long Hưng Khu công nghiệp Mỹ Thanh Trường Cao đẳng Cộng đồng Ký túc xá sinh viên Sân vận động tỉnh Hồ bơi thi đấu Nhà thi đấu tổng hợp Khu hành chính tỉnh Dự án cải tạo hạ tầng đô thị thành phố Sóc Trăng

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng